| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
| Số: 1501/2019/QĐST-HNGĐ | *Biên Hòa, ngày 13 tháng 9 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 1853/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Ông Lê Trường G, sinh năm 1978;

Địa chỉ: 24D/T7, tổ 10, khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Bà Trần Thị Lan P, sinh năm 1977;

Địa chỉ: 24D/T7, tổ 10, khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2019.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Lê Trường G và bà Trần Thị Lan P.

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Trường G và bà Trần Thị Lan P thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Lê Trường T, sinh ngày 30/9/2003 cho bà P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; ông G cấp dưỡng cho con 3.000.000đ/tháng, kể từ tháng 9/2019. Đối với hai cháu Lê Trường S, sinh

ngày 31/3/1998 và Lê Thị Thiên A, sinh ngày 23/4/2001 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí HNGĐ-ST: Ông Lê Trường G tự nguyện nộp 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* án phí ly hôn và 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* án phí cấp dưỡng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000106 ngày 09/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKS ND thành phố Biên Hòa;
- UBND xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Trương Thị Thảo**